

## PHẨM TUỔI THỌ THỨ MƯỜI SÁU

Giải thích phẩm này có bốn môn:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Nghĩa được và mất.
- 3) Giải thích tên phẩm.
- 4) Khai hiệp.

**I. Ý nghĩa:** Sở dĩ có phẩm này là để nói về thân quyền thân thật có bốn chương, nay là chương thứ tư rộng khai thân quyền, thân thật, dứt nghi sanh tín, nhưng phẩm này phần lớn nói về lý giác ngộ bao trùm xưa nay. Văn căn cứ nghĩa rộng ý sâu đến xa xưa, dù chỉ là một chương kinh mà chính thông hợp ý đức Thích-ca từ đầu đến cuối một phen giáo hóa, nếu hiểu được nghĩa kia thì sanh tuệ vô tận, phước vô biên, cũng diệt được vô lượng tội nặng. Ngày xưa có một nhóm người đi trên thuyền bị gió mạnh nhận chìm thuyền, mọi người đều bị chết chìm chỉ còn sót lại một người nương vật được cứu thoát, ban đêm mộng thấy có người đến chép: chỉ mình ông được thoát chết nhờ duyên xưa nghe phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa. Lại dưới phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Nói phẩm Thọ Lượng này thời có mười hai thứ lợi ích tám tướng tốt, các kinh khác nói về đặc đạo không hề có nhiều như thế, người giảng tuyên bày nên lưu ý tìm tông chỉ quy về đây.

Hỏi: Vì sao nhanh chóng có công dụng?

Đáp: Quả chánh báo của Chư Phật ba đời và quả y báo của Chư Phật ba đời đều vì khai nghĩa tuổi thọ mà sanh khởi, như Đa bảo vọt hiện tức Phật quá khứ vì khai tuổi thọ cho nên sanh khởi, phân thân Phật tức mười phương Phật hiện tại vì khai tuổi thọ mà nhóm họp, Bồ-tát từ đất hiện lên tức đều là Nhất sanh Bồ xứ nghĩa là Phật đương lai vì tuổi thọ mà hiện, cho nên Phật mười phương ba đời đều vì khai thọ lượng, tức biết tuổi thọ là việc lớn nên có công lực như trên.

Hỏi: Chư Phật ba đời làm sao vì khai thọ lượng?

Đáp: Như phẩm trước giải thích: Phật quá khứ vì khai pháp thân vô sanh diệt ứng thân có sanh diệt nên xuất hiện Phật, hiện tại vì khai pháp thân không hai, ứng thân không một nên đều nhóm họp. Đương lai Phật vì nói lên đức Thích-ca từ lâu đã chứng pháp thân nói về pháp thân vô thủy chung mà phương tiện thị hiện thủy chung cho nên hiện. Chư Phật ba đời vì ba việc nên nhóm họp. Lại biến thành cõi tịnh vì khai tuổi thọ ấy là do quả y báo đã khác xưa tức biết tuổi thọ lâu dài cũng lại khác nhau, đủ như trên giải thích.

Nay nói bỏ quyền bày thật: bỏ ngắn là quyền, bày dài là thật, nhưng tuổi thọ của Như lai thật không có dài ngắn. Vì sao: Vì đã gọi pháp thân thì dùng chánh pháp làm thân, chánh pháp đâu phải ngắn và dài, thường vô thường cho đến năm câu có thể chấp ư! Chỉ tùy thích nghi nên có phương tiện dài ngắn. Xưa chẳng ngắn nói ngắn nay chẳng dài nói dài, chẳng ngắn nói ngắn là muốn cho biết ngắn là ngắn của dài, chẳng dài nói dài là muốn cho ngộ dài là dài của ngắn. Nếu nghe ngắn không biết dài, thì không thành ngắn, nghe dài không biết ngắn thì cũng không thành dài, chướng ngại như thế hành tâm làm mất ý phương tiện của Phật. Lại sở dĩ xưa nói ngắn nay nêu dài ấy là muốn cho chúng sanh nhân dài ngắn này mà ngộ chánh pháp không dài không ngắn! Do ngộ không dài không ngắn nên có dài ngắn phương tiện dụng. Nếu nói xưa ngắn đã chẳng đúng thì nay dài cũng chẳng đúng, nay dài đã đúng thì xưa ngắn cũng đúng. Nhưng chẳng dài chẳng ngắn mà nay do cơ duyên thích hợp khen ngợi là dài nói về nay dài là đúng xưa ngắn là sai. Như kinh Niết-bàn chép: Không thể nói Phật nhất định là hữu vi hay nhất định là vô vi. Nếu người chánh kiến nên nói Như lai nhất định là vô vi. Vì sao? Vì có thể sanh gốc lành cho chúng sanh. Phẩm này so với phẩm Dũng xuất thì dùng sáu cặp để nói:

- 1) Trên là tựa nói nay là chính là nói.
- 2) Trên dùng sở hóa Bồ-tát khai năng hóa thọ lượng Phật, nay năng hóa tự khai năng hóa.
- 3) Trên dùng môn thần thông khai năng hóa, như số Bồ-tát như cát bụi của ngàn thế giới từ đất vọt lên nói lên Thích-ca thành Phật đã lâu gọi là môn thần thông. Phẩm này đối Di-lặc giải thích tuổi thọ của Phật là nói pháp luân hai thứ này đều là hai vật vạt áo, bàn ghế đem con ra ở phẩm Thí dụ.
- 4) Trên thâm khai thành Phật đã lâu, nay hiển khai tuổi thọ do chấp gần, tình khó đở nghĩa tuổi thọ lâu khó tin, chỉ bày ngộ vật phải dần dần nên trước mặt sau hiển.
- 5) Phẩm trên nói lược động chấp sanh nghi, nay nói rộng phá chấp bỏ nghi.
- 6) Trên nói về sở hóa bất tư nghi nay nói về năng hóa bất tư nghi cho nên Luận Pháp Hoa có mười nghĩa vô thượng thì thứ bảy là thị hiện giáo hóa chúng sanh vô thượng cho nên trong đất vọt ra vô lượng Bồ-tát. Và nghĩa thứ tám là thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên có phẩm Thọ Lượng, tức Luận kia chứng minh.

**II. Nghĩa được mất:** Giải thích kinh Thọ Lượng này gồm có ba

Sư:

1) Dùng năm thời giáo nói trải qua quá khứ trần sa vị lai gấp bội số trên còn là vô thường cuối cùng trở về tận diệt cho nên trước nói cuối cùng trở về Không nên tuổi thọ Như lai có hạn lượng.

2) Chấp bốn thời giáo nói kinh che lấp tướng nói thường tức che tướng nói thọ vô lượng.

3) Nghĩa bán mãn nói tất cả kinh Đại thừa đều nói về Phật thường nghĩa là hiển rõ Phật thọ vô lượng, nay ban đầu chê bai kinh tội nặng làm người hạ căn, kể vì gây ra lỗi nhỏ làm người trung căn, sau đắc dụng của kinh chưa biết thể của kinh trong ba thứ làm người thượng căn. Nay nói về cần phải biết thể dụng của kinh mới thấy được ý phẩm này. Nói thể: là pháp thân siêu việt bốn câu dứt trăm phi không thể nói thường và vô thường v.v... cho nên phi lượng và vô lượng. Như kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới phi hữu lượng cũng phi vô lượng, đức Thích-ca siêu việt hữu lượng và vô lượng, pháp giới tức pháp thân. Lại văn dưới nói phi thật phi hư phi như phi dị. Phẩm Như lai trong Trung Quán luận nói: Trong tướng vắng lặng thì bốn câu vô thường vô thường v.v...: Nói dụng: là phi thường phi vô thường, xưa vì chúng sanh nên nói là vô thường cho nên nói các chúng đệ tử Phật còn xả bỏ thân vô thường rõ ràng Phật thọ hữu lượng, nay vì phá phàm phu Nhị thừa chấp Phật thật sanh ở cung vua thật diệt ở Song lâm, cho nên phi thường phi vô thường khen ngợi là thường hiểu rõ Phật thọ vô lượng. Nếu không biết thể dụng đây thì không có mười hai hạng người ngộ đạo, vì sao? Vì chỉ hiểu thường vô thường thì trở thành hai kiến làm sao được ngộ đạo ư!

**III. Giải thích tên:** Nói Như lai Thọ Lượng: theo Luận Pháp Hoa có ba hạng Như lai.

1) Hóa thân Như lai.

2) Báo thân Như lai.

3) Pháp thân Như lai.

Tuổi thọ cũng có ba thứ:

1) Hóa Phật thọ lượng có đầu có cuối, cho nên làm Nhị thừa có tám tướng thành đạo, ở cung vua hiện sanh ở Song lâm thị diệt.

2) Báo thân Phật thọ lượng có thể vô chung cho nên văn dưới chép: Ta xưa hành đạo Bồ-tát đã thành thọ mạng, nay còn chưa tận, do hành nhân đã mãn sơ chứng quả Phật vậy nên nói có thể, một phen chứng rồi sau tự nhiên bất diệt cho nên không có tận chung.

3) Pháp thân Phật thọ mạng vốn tự tại bất sanh bất diệt vô thể vô chung, phẩm này nói về đầy đủ ba hạng Như lai ba thứ thọ lượng. Nói

về hóa thân thọ lượng gọi là mở cửa phương tiện, nói pháp thân, Báo thân tuổi thọ gọi là hiển nghĩa chân thật cho nên nói phẩm Thọ Lượng. Nay lại giải thích bốn trường hợp:

- 1) Thật mà chẳng quyền gọi là pháp thân thọ.
- 2) Quyền mà chẳng thật gọi là hóa thân thọ.
- 3) Vừa quyền vừa thật gọi là báo thân thọ.

Báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai:

1) Trong ứng tức tương ứng với pháp thân cho nên kinh nói có chỗ gọi là thấy có chỗ gọi là pháp, do pháp thường nên Chư Phật cũng thường.

2) Ngoài ứng tức tương ứng với đại căn cơ tánh cho nên làm đại Bồ-tát ở cõi tịnh độ thành Phật.

3) Trong ứng tức thật chẳng quyền, ngoài ứng tức quyền chẳng thật, cho nên nói vừa quyền vừa thật.

4) Phi quyền phi thật. Ba thật môn trên đều là trong vô danh tướng mà mượn danh tướng nói muốn cho chúng sanh nhân danh tướng này ngộ vô danh tướng cho nên diệt ba môn trên trở về vắng lặng.

**IV. Khai hiệp:** Trong các kinh luận nói Phật khai hiệp không nhất định. Tổng khai bốn trường hợp:

- 1) Bốn tích đều hợp.
- 2) Bốn tích đều khai.
- 3) Khai bốn hiệp tích.
- 4) Khai tích hiệp bốn.

Bốn tích đều hợp hoặc hợp danh một Đức Phật, nghĩa là một Phật bảo trong Ba bảo, hoặc chia làm hai thân. Cho nên nói Phật chân pháp thân cũng như hư không ứng vật hiện hình như trăng trong nước. Đã chỉ có một tích một bốn cũng là bốn tích đều hợp, hoặc chia làm ba mà ba nghĩa không nhất định:

1) Như bửu quyển Kim Quang Minh nói ba đức Phật. a) Pháp. b) Ứng. c) Hóa. Pháp thân là chân, hai thân còn lại là ứng, đây là hiệp chân làm một khai ứng làm hai.

2) Luận Pháp Hoa nêu ba đức Phật: Pháp, báo và hóa, tức khai chân hiệp ứng. Khai chân: Khai pháp, báo thân làm hai; hiệp ứng: Lấy ứng thân làm một, ý đây nói về vốn có nghĩa là pháp thân đáp nghĩa nhân nên gọi là báo, nghĩa ứng vật gọi là ứng.

Kế khai bốn Đức Phật, nghĩa này cũng có hai thứ:

- 1) Kinh Lăng Già nói về bốn Đức Phật:
  - a) Ứng hóa Phật.

- b) Công Đức Phật.
- c) Trí tuệ Phật.
- d) Như Như Phật.

Kinh kia chép: Đầu tiên là ứng ba thân là chân, đây cũng hiệp ứng khai chân. Trong ba đức Phật công đức và trí tuệ là báo thân Phật, Như Như là pháp thân.

2) Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển nói bốn trường hợp:

a) Hóa mà chẳng ứng: nghĩa là Đức Phật nhập Niết-bàn rồi vì vật thị hiện rỗng quỉ các thân cho nên gọi là hóa, không thị hiện thân Phật nên gọi là chẳng ứng.

b) Ứng mà chẳng hóa: Kinh chép: gọi là thân Địa tiền, giải thích rằng: Bồ-tát Địa tiền thấy thân Phật chính từ trong pháp môn Tam-muội hiện gọi là ứng thân chẳng thuộc về sáu đường chẳng phải hóa.

c) Vừa ứng vừa hóa, Kinh chép: Thân trú Niết-bàn hữu dư. Giải thích rằng: Thanh văn thấy thân Phật, kia thấy hình tướng tốt của Như lai tu thành Phật nên gọi là ứng. Thấy Phật ở trong loài người thọ sanh đồng với người nên gọi là hóa.

d) Phi ứng phi hóa gọi là pháp thân. Trong bốn trường hợp: ba câu trước là ứng một câu sau là chân, cũng là khai ứng hiệp chân.

Chân ứng đều khai: Trong chân chia làm hai: Pháp và báo thân. Trong ứng chia hai: Ứng thân và hóa thân. Theo Kinh Hoa Nghiêm nói về mười Đức Phật:

- Phật không nhiễm trước an trú thế gian thành chánh giác.
- Nguyện Phật y nguyện sanh ra.
- Nghiệp báo Phật tin thành tựu nên các hành đều thành chỉ nói lược nhất tít.
- Trú trì Phật thuận theo thế gian không dứt bật.
- Niết-bàn Phật chấp diệt độ.
- Pháp giới Phật ở tất cả nơi đều hiện.
- Tâm Phật khéo an trú.
- Tam-muội Phật thành tựu vô lượng công đức không còn chấp trước.
- Tánh Phật khéo quyết định.
- Như ý Phật vì che phủ cùng khắp.

3) Đức Phật nói không nói nghĩa tùy duyên thấy thích hợp thời dụng, nghĩa có thể biết. Nói rộng thân thật có một phẩm rười kinh chia làm năm:

- a) Khuyên tín.
- b) Chính là nói.
- c) Được lợi ích.
- d) Xưng tán.
- e) So sánh lượng.

Pháp sâu khó thọ, trước phải khuyên tín, khuyên tín đã xong kể vì nói rộng pháp, nói, pháp ứng căn cơ thì chúng đắc đạo nghi trừ lãnh giải cho nên gọi là tán, người tin hiểu thì phước đức trí tuệ vô biên, cho nên so sánh lượng: khuyên tin chia làm ba:

- 1) Chánh khuyên tín.
- 2) Đại chúng thọ ý chỉ.
- 3) Răn khuyên lắng nghe.

Khuyên tin hiểu: Khuyên người mới tu hành khiến tin, người ngộ sâu khiến hiểu, lại khiến người mới tin cuối cùng được giải. Lại nay nói pháp thân chỉ Phật chứng giải, trừ Phật trở lại đều là tin hiểu. “Lời nói chắc thật của Như lai”: là nói lời tin hiểu. Phật tâm thật gọi là thành thật. Nói tuổi thọ sự thật gọi là “chắc”. Tự có tâm thật mà sự không thật bốn trường hợp: nay là câu thứ ba cả hai đều thật. Sở dĩ ba phen khuyên khiến tin: luận Trí Độ quyển một trăm chép: Vì tôn trọng pháp nên ân cần đến ba phen. Lại người thọ pháp có ba căn cho nên ba phen nói. Lại thường pháp của Chư Phật không quá ba, nếu quá ba không thọ nhận tức là người tội nghịch, thân Kim cương tay cầm chày đánh, kể thọ ý chỉ răn khuyên lắng nghe như vậy.

“Sức bí mật thần thông của Như lai v.v...” là: Chính là nói văn: Trước văn xuôi kể kệ tụng. Văn xuôi có hai:

- 1) Nêu quá khứ vô tử.
- 2) Biện vị lai vô chung, chỉ nói về hai thứ này để phá hàng nhị thừa gọi là bắt đầu từ cung vua cuối đến Song thọ cho nên nói về cung vua sanh chẳng phải bắt đầu, song thọ diệt chẳng phải là cuối. Đã nói về bốn thân vô tử chung tức nói ứng thân có tử chung. Bốn thân vô tử chung tức hiển nghĩa chân thật. Ứng thân có tử chung tức mở cửa phương tiện. Cho nên chỉ nêu hai thứ này. Sở dĩ trước nêu vô tử sau biện vô chung vì phá phạm phu Nhị thừa trước nêu có tử sau nói có chung.

Lại giải thích Di-lặc nghi cha ít tuổi, con nhiều tuổi, cho nên trước nói quá khứ lâu xa đã thành Phật mới hóa đắc nhiều người như thế, thì gọi là nghĩa cha già con trẻ khiến đại chúng dứt nghi. Lại nói về quá khứ lâu xa thành Phật hóa độ được một ngàn thế giới số Bồ-tát

nhiều như cát bụi, vị lai vô chung mới độ tất cả chúng sanh trong pháp giới, khiến chúng thọ hóa tâm sanh vui mừng. Hai môn này đều có ba chương: môn đầu ba chương:

- 1) Nêu quá khứ lâu xa thành Phật nói lên nghĩa chân thật.
- 2) Giải thích nghi nghĩa mở cửa phương tiện.
- 3) Tổng kết chánh đáp kia hỏi.

Cho nên trước nói quá khứ lâu xa thành Phật thì chúng do xưa gần nghi nay xa cho nên cần phải giải thích. Giải thích xong mới tổng kết lâu xa thành Phật. Lại ở đầu nói lâu xa thành nói lên nghĩa chân thật, kế giải thích nghi nghĩa là mở cửa phương tiện, hai thứ này đã rõ ràng cho nên phải lặp lại tổng kết.

Chương đầu lại có hai:

- 1) Nêu chứng pháp thân lâu.
- 2) Nêu thù ứng cũng lâu; chứng pháp thân lâu là nói về tự đức đã mãn, thù ứng lâu nói về đức hóa tha đã viên.

Lại chứng pháp thân lâu phá chấp gần, thù ứng lâu giải thích chúng nghi. Chứng pháp thân lâu lại chia làm ba:

- 1) Nói chung sức bí mật thân thông của Như lai.
- 2) Nói lại chấp tình.
- 3) Phá cận hiển viễn.

Nay nói thọ lượng Phật cho nên nói Như lai, xưa không hề xưng nói gọi là bí, pháp kín rất sâu nên gọi là mật. Thật dài thị hiện nhân ngắn là thân thông, khiến vật trái bỗng trở về nguồn gọi là lực.

“Tất cả thế gian v.v...:” là nói tình chấp, “đều cho rằng” chính là tình chấp. “Đức Thích-ca v.v...” là nói sở chấp. “Nhưng người thiện nam v.v...:” Là phá chấp hiển xa, lại chia bốn phần riêng:

- 1) Pháp nói.
- 2) Nêu thí dụ hỏi Di-lặc.
- 3) Di-lặc phụng đáp.
- 4) Phật hợp thí chánh nêu thọ lượng lâu xa.

Ban đầu trong pháp nói chính là nói về thành Phật lâu xa.

Hỏi: Là phá cận hiển xa hay khai gần nói về viễn?

Đáp: Phạm có năm nghĩa:

1) Khai gần hiển xa, xưa không nói về gần là phương tiện cho nên phương tiện môn đóng, nay nói về gần là phương tiện thì mở cửa phương tiện. Đã nói về gần là phương tiện thì hiển xa là chân thật.

2) Phế gần lập xa: Xưa lập gần phế xa, nay đối xưa cho nên lập xa phế cận.

3) Che cận khai xa: Như lai gần xa hai thứ giáo môn cũng như hai cánh chim không lìa nhau, chỉ vì duyên cho nên có nay, xưa bốn câu khai che: a) Xưa nay đều che, xưa che xa nay che cận; b) Xưa nay đều khai: Xưa khai gần nay khai xa; c) Xưa che nay khai: Xưa che xa nay khai gần. d) Nay che xưa khai: Nay che gần xưa khai gần.

4) Chỉ cận làm xa: Đây nói gần xa không hai, như Kinh chép: Thân ta nay đây tức là pháp thân. Ngài Triệu Sư chép: Cận xả bỏ thân tượng sáu mà xa cầu pháp thân!

5) Phá cận nói xa: bốn thứ trước là ước về giáo, một môn sau là căn cứ kia tình mê. Nếu đối ở mê tình tức là phá gần bày xa, nếu so với Phật giáo tức là bày xa bỏ gần. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Xuất phát từ cung họ Thích, thành Già-da thành đạo, đây nói về hóa Phật. Từ văn này trở đi nói về báo thân Phật.

“Thí như v.v...” là nói về thí chép: Sở dĩ mượn thí dụ là do lý thường của Phật thậm thâm chẳng thí dụ chẳng rõ cho nên nhờ thí dụ để hiểu. “Bồ-tát Di-lặc v.v... đều bạch Phật v.v...” Nêu Di-lặc vâng đáp, văn có ba phần: nói giải thích, tổng kết. Trước nói vô lượng, kế ba câu hiển vô lượng, kế nêu phạm phu không biết. “Tất cả Thanh văn v.v...” Nói Nhị thừa không biết. “Chúng con v.v...” Nói Bồ-tát không biết. “Thế tôn...” Là tổng kết. “Thế giới vô biên v.v...” là nói chỉ có Phật mới biết.

Bấy giờ Đức Phật bảo v.v...: là Hiệp thí chánh hiển thành Phật đã lâu. Theo bản kinh cũ của ngài La-thập dịch ở Trường An không có câu: một trần một kiếp, đời Lương có vị Tăng soạn kinh Pháp Hoa, cảm nơi thần mộng thấy khiến để câu kinh này. Hễ nói về kiếp: Có chỗ gọi là thời, là nêu thời quá khứ lâu dài nên nói số kiếp như cát bụi. Nói A tăng tỷ kiếp: Nói lên số không thể tính, mới thành Phật còn không thể tính biết, một phen chứng vắng lặng đâu có cuối cùng diệt ư! Là muốn nói về quá khứ nói lên đương lai cho nên nói quá khứ không thể tính đếm.

Hỏi: Văn sau chép: Quá khứ vốn hành đạo Bồ-tát tức thời gian tạo thành tuổi thọ, đây thì có bắt đầu vì sao nói không thể tính số?

Đáp: Có hai nghĩa:

1) Nói nghĩa vô thủ mà thủ, nhưng nghĩa thủ lâu dài nên không thể tính số.

2) Muốn hiển nghĩa pháp thân vô thủ chung nên không thể tính số, nhưng thủ mà vô thủ là nghĩa không hai mà hai hai mà không hai. Nghĩa không hai mà hai tức bắt đầu chứng pháp thân nên có thủ trong ba thân là ứng thân cũng gọi là báo thân cho nên có thủ, mà chỗ chứng



pháp thân này thì vô thủ nên gọi là nghĩa không hai mà hai, nghĩa hai mà không hai tức là chứng pháp thân đã vô thủ chung, năng chứng cũng vô thủ chung, dùng năng nói đã cùng tâm, nghĩ đã bắt dứt chứng chứng nơi sở chứng, sở chứng đã vô thủ chung năng chứng cũng vô thủ chung.

“Từ đó đến nay:” ở trên là nói chứng pháp thân đã lâu, nay nói nghĩa thùy ứng lâu, do chứng pháp thân lâu gọi là tự đức mãn, thùy ứng lâu gọi là đức hóa tha viên. “Thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa...” Thường ở Ta bà là hai thân ứng, hóa. Nói pháp giáo hóa: Là hai thân nói giáo, nói về đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu. Từ khi chứng pháp thân đến nay thích nghi dùng ứng thân đắc ngộ thì thị hiện dùng ứng thân, phải dùng hóa thân đắc ngộ thì thị hiện dùng hóa thân. Tuy thị hiện hai thân mà thật không chỗ ứng, tuy nói tất cả giáo mà thật không hề nói, đây chính là giải thích Di-lặc nghi. Do thùy ứng đã lâu thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa nên có ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi tức là cha già con trẻ chẳng phải nghĩa cha trẻ con già, tức là giải thích trên phẩm Dũng xuất chép: Ta ở thế giới Ta bà thành chánh giác mới giáo hóa. Di-lặc nghe Phật nói trên cho là cõi Ta bà nay cho nên sanh nghi, nay đáp nói về cõi Ta bà quá khứ, cho nên giải thích nghi. “Cũng ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức cõi nước làm lợi ích dẫn dắt chúng sanh”: lại trên giải thích thời gian dài nay nêu giáo hóa rộng.

“Các người thiện nam v.v...” là nói mở cửa phương tiện: Trên hiển hai thứ chân thật:

1) Nói chứng pháp thân lâu xa nói pháp thân chân thật.

2) Nói thùy ứng đã lâu, nói ứng thân chân thật, nay cũng mở hai thứ phương tiện:

a) Mở nhân phương tiện.

b) Mở quả phương tiện.

Nhân phương tiện: Quá khứ gặp Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký. Quả phương tiện: Thị hiện xuất gia mới được thành Phật. Bày hai thật bỏ hai quyền tất cả cùng tận nghĩa quyền thật. Trước bày hai thật, một là pháp chấp, hai là giải thích nghi. Hiển chứng pháp thân lâu xa, phá chấp gần, hiển thùy ứng lâu giải thích Di-lặc nghi Phẩm Dũng Xuất. Nay khai phương tiện lại giải thích hai nghi, căn cứ mỗi một môn đều chia hai môn: Môn đầu có hai:

1) Lược khai phương tiện lược giải thích nghi.

2) Rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi.

Trên nói về chứng pháp thân lâu thùy ứng lâu, Di-lặc nghi cũ đã dứt, nay chúng lại khởi nghi mới. Nghi rằng: Nếu chứng pháp thân lâu

thùy ứng lại lâu là vì sao? Xưa nói Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký kiếp hiên thành đạo, vì vậy nên giải thích rằng: Nơi thời gian giữa đó ta nói Phật Nhiên Đăng là dùng phương tiện để phân biệt, quá khứ lâu xa thành đây là nói thật. Trên tức là hiển nghĩa chân thật nay giải thích chúng nghi nên nói mở cửa phương tiện. Mà nói trung gian (giữa) ấy tức là quá khứ đã thành Phật làm đầu, nay hội Linh Sơn là sau. Trung gian nói Đức Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng: luận Trí Độ chép: Thái tử khi mới sanh bốn phía đều có ánh sáng giống như đèn nên gọi là Nhiên Đăng, Thái tử về sau tu thành Phật gọi là Phật Nhiên Đăng. Các kinh khác chép: Phật Đỉnh Quang cũng gọi là Nhiên Đăng. Hữu túc gọi là Đăng vô túc gọi là Đỉnh. Lại chép: Đức Phật ấy nhập Niết-bàn, kinh Thụy Ứng chép: Bồ-tát hầu hạ Phật Đỉnh Quang đến ngàn Niết-bàn, tức là nói Đức Phật kia nhập Niết-bàn. Đức Nhiên Đăng nói về ở đầu, Niết-bàn nói về ở sau, nói lược hai việc đầu sau.

“Các người thiện nam, v.v...” là nói rộng khai phương tiện, giải thích rộng nghi, không chỉ nêu Nhiên Đăng một tích mà ở đời quá khứ có vô lượng phương tiện cho nên nói giải thích rộng nghi. Trên lược giải thích nghi lược mở cửa phương tiện, nay giải thích rộng nghi rộng mở cửa phương tiện. Lại trên nói thẳng giáo hóa chưa nêu nghi thức hóa cho nên nay nói, lại chia làm ba:

- 1) Cảm.
- 2) Ứng.
- 3) Được lợi ích.

“Nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta v.v...:” Căn cơ phát hợp với Phật nên nói là đến tức là cảm. “Ta dùng mắt Phật...” Là nói ứng. Trong ứng nói về ba luân lợi ích: “Ta dùng mắt Phật quán sát:” Tín v.v... các căn gọi là tha tâm luân. “Tùy chỗ đáng độ:” Là nêu thần thông luân. “Tự nói danh tự chẳng đồng”, như phẩm Danh Hiệu trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Hoặc gọi Xá Na hoặc gọi Thích-ca. “Niên kỷ hoặc lớn hoặc nhỏ:” là nói trụ thế lâu mau khác nhau. “Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn:” Trên nói đầu tiên là thần thông nay nói sau. Như Kinh Niết-bàn chép: Ta ở cõi Diêm Phù thường thị hiện nhập Niết-bàn. “Lại dùng các trí phương tiện:” là nêu nói pháp luân. Lại trên là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nay miệng nghiệp lợi ích chúng sinh. Lại ba câu này tức là thứ lớp. Danh tự khác nhau, niên kỷ lớn nhỏ gọi là sơ phương tiện, hiện nhập Niết-bàn gọi là hậu phương tiện, nay nói về nói pháp là trung gian phương tiện, giáo hóa thích ứng tuy nhiều cũng đều gồm thâu trong ba thứ này. “Năng khiến chúng sanh sanh tâm vui

mừng.” Nêu được lợi ích. Do ba luân xứng duyên, người thọ nhận được lợi ích nên gọi là vui mừng.

“Các người thiện nam v.v...:” là nói việc hiện tại giải thích nghi, cũng chia làm hai phần: lược và rộng. Nghi rằng: Nếu đã lâu thành Phật vì sao xưa nói mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Trên đã nghe chứng pháp thân và thù ứng lâu, thời chúng nghi đủ hai việc nhân gần, quả gần. Trên nói Nhiên đăng quá khứ tức nghi nhân gần, nay nói hiện tại thành Phật do quả gần nên sanh nghi, lại chia là m bốn ý:

- 1) Thấy căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Bày thật.
- 4) Bỏ quyền.

Trong thấy căn cơ chép: “Đức mỏng tội nặng.” Không gieo giống Đại thừa không đắc gốc lành gọi là đức mỏng, phiền não đầy đủ nên gọi là tội nặng.

“Vì người đó chép:” là nói về giáo nói. Vì người ưa Tiểu thừa không kham nghe nói chứng pháp thân đã lâu, mà phương tiện thị hiện, nên Phật thật là phạm phũ từ phạm thành Phật. “Nhưng ta thật thành Phật đã lâu v.v...: Nói về hiển thật. “Chỉ dùng phương tiện:” Biện khai quyền.

“Các người thiện nam v.v...:” là rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi: Hỏi: Trên đã giải thích hai đời nghi xong vì sao nay lại giải thích ư? Đáp: Trên giải thích nghi xa gần, nay giải thích nghi hư thật. Chúng đương thời nghi rằng: Xưa nói gần thành Phật nay nói xa thành Phật, đều là Phật nói tức đều là thật. Xưa nói gần đã quyền nay nói xa cũng quyền, nếu xưa nói gần là quyền nay nói xa là thật thì sao biết xưa nói gần chẳng thật, nay nói xa chẳng quyền, nghi cả hai thuyết xưa nay. Nói đã trái nhau đều là luống dối, vì giải thích nghi này cho nên nói có văn này.

Lại có văn này: Đức Thích-ca đời đời hiện tại làm lợi ích chúng sanh gồm có ba thời:

- 1) Mới thành đạo.
- 2) Trung gian nói pháp.
- 3) Cuối cùng diệt độ.

Trên nêu sơ thành đạo phương tiện đã rồi, nay nêu trung gian lợi ích, văn chia làm hai:

- 1) Nói tất cả phương tiện.
- 2) Nói về đều thật không luống dối.

Kinh điển của Như lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh: nêu đại ý Phật nói giáo. Chư Phật nói giáo có hai ý:

1) Các chúng sanh chưa vượt qua biển khổ khiến cho họ vượt qua.

2) Những chúng sanh chưa thoát tập đế khiến cho họ được thoát. Hoặc nói thân mình hoặc nói thân người: Câu trước nói nói chung pháp lợi vật, nay khai riêng hai thứ phương tiện tức là hai luân. Tự nói thân Thích-ca gọi là nói thân mình, nói thân Phật Di Đà gọi là nói thân người: Hoặc chỉ thân mình hoặc chỉ thân người: Trên là nói pháp luân, nay là thân thông luân. Như hiện phân thân Phật v.v... gọi là chỉ thân mình, chỉ Đức Phật A Súc Bệ v.v... gọi là chỉ thân người. Hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người: ba phen chỉ ở tịnh độ gọi là chỉ việc mình, chỉ cõi Hương Tích gọi là chỉ việc người. Thân đã có tự tha nói cõi cũng như vậy, so sánh với trên có thể biết. “Các lời nói đều thật chẳng dối: Chính là nói không dối, lại chia hai câu: Trước nói không dối, kế “Vì sao? v.v...” là giải thích không dối gồm có hai ý:

1) Nói ứng lý thật nên nói không dối.

2) Nói thấy sâu căn cơ nên nói không dối. Chứng lý thật gọi là đắc pháp thân, thấy căn cơ thật gọi là khởi ứng hóa thân, vì vậy hiện thân thông, nói pháp đều là thật.

“Đức Như lai đúng như thật thấy biết tướng của ba cõi:” Nói chung tướng thấy biết. Luận Pháp Hoa chép: Tướng ba cõi: là cõi chúng sanh tức cõi Niết-bàn, không lìa cõi chúng sanh mà có Như lai tạng. “Không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất:” Giải thích trên như thật thấy biết đối với ba cõi, ba cõi vốn là sanh tử đều trong cõi đó nên trên nói ba cõi, nay kể nói không có sanh tử. Hoặc thoái hoặc xuất: Tử ở đây, sanh kia gọi sanh tử. Câu này chính là nói người phàm phu có đủ trói buộc, trái Đại thừa thoái nhập ba cõi gọi là thoái. Phẩm Thí Dụ chép: Các con trước nhân dạo chơi đến vào nhà này, ba xe các con cùng tranh ruổi chạy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, câu này nói chúng sanh, Ba thừa ra vào trong ba cõi cho nên nói thoái xuất, nay trong thật tướng pháp thân đều không có việc như thế, cho nên không có từ trên đoạ xuống dưới gọi là thoái không có từ dưới lên trên gọi là xuất. Pháp Hoa luân chép: Không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất: gọi là thường hằng trong sáng không có nghĩa trái lại. “Cũng không ở đời và diệt độ:” ba câu trên nêu không thấy chúng sanh sanh tử, hai câu này nêu không thấy Chư Phật khởi diệt. không thấy trong cung vua mới sanh cho đến tám mươi năm trú thế cho nên nói không thấy ở đời. Cũng không thấy Song lâm diệt

tận cho nên nói không diệt độ. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Muốn cho chúng sanh sanh thiện vui mừng cho nên hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh sanh thiện luyến mến nên thị hiện Song lâm diệt, Như lai thiết không ra đời cũng không nhập Niết-bàn, vì sao? Vì pháp thân thường trú đồng nhập pháp tánh. Luận Pháp Hoa chép: Cũng không ở đời và diệt độ: Nghĩa là Như lai tạng thể chân như không tức cõi chúng sanh không lìa cõi chúng sanh. “Phi thật phi hư phi như phi dị.” Người mê hoặc nghe sáu việc trên đều không có liên cho pháp thân là thật hiểu quyết định là thật, cho nên nay nói về phi thật. Đã nghe phi thật là cho là hư giả đồng huyễn mộng cho nên kế biện phi hư. Đã nghe phi thật phi hư liên cho là chân như đồng pháp tánh nên nói phi như, đã nghe phi như liên cho khác với như cho nên nói phi dị, Luận Pháp Hoa chép: Phi thật, phi hư phi như phi dị: Là bốn thứ tướng. Có bốn thứ tướng: Là pháp vô thường. Ý đây giải thích thành nghĩa pháp thân thường. “Chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi:” Phàm phu thấy ba cõi nên không thấy ba cõi mà không như ba cõi, Như lai thấy ba cõi lại năng thấy ba cõi mà không ba cõi. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Không như ba cõi thấy ở ba cõi: Như lai năng thấy năng chứng pháp thân chân như. Phàm phu không thể thấy cho nên kinh chép: Như lai thấy rõ không lầm lẫn. Lại phàm phu chẳng những không thấy ba cõi mà không ba cõi cũng không thấy không ba cõi mà là ba cõi, tuy chẳng phải ba cõi mà đối chúng sanh rõ ràng là ba cõi. Cho nên Đại phẩm chép: Các pháp vô sở hữu hữu như vậy vô như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh. Như lai đã biết ba cõi mà không ba cõi nên ba cõi tức pháp thân, cũng biết không ba cõi mà là ba cõi: tức pháp thân ở nơi chúng sanh tức thành ba cõi. Phật biết ba cõi mà không ba cõi nên gọi là Ủ hòa Bát-nhã tức biết không ba cõi mà ba cõi nên có Bát-nhã Ủ hòa. Do đó Như lai đầy đủ hai tuệ, phàm phu không biết ba cõi mà không là ba cõi nên không có Bát-nhã, không ba cõi mà là ba cõi thì không có tuệ phương tiện nên phàm phu không có hai tuệ chỉ có đoạn, thường.

“Bởi có chúng sanh có các thứ tánh...” là nói về thấy pháp thân lý thật cho nên nói không đối, nay nói về thấy chúng sanh căn cơ thật nên nói không đối. Lại ở trên thấy nghĩa ba cõi mà không ba cõi, nên ba cõi là pháp thân, nay thấy không ba cõi mà là ba cõi tức pháp thân nơi chúng sanh thành ba cõi vì vậy nên chúng sanh có các thứ dục. Như kinh Niết-bàn chép: một vị thuốc ấy tùy nơi chốn mà có các vị, tức chứng minh ấy. Trong nhân khó thay đổi gọi là các thứ tánh, chỗ ưa thích khác nhau gọi là các thứ dục, nghiệp hành quá khứ có khác nên

gọi các thứ hạnh, suy tìm biết duyên trước khác nhau nên gọi các thứ nhớ tưởng. Đây là nói từ nặng đến nhẹ, nếu từ nhẹ đến nặng thì chúng sanh nhớ tưởng còn tập hạnh quá khứ khác nhau, lập hạnh khác nhau do dục lạc khác nhau, thật do lâu xa huân tập dục thành tánh. “Muốn làm cho chúng sanh gieo các gốc lành...” Trên nêu biết căn cơ nay biện ứng căn cơ trao thuốc, nói rộng nên thì tám muôn bốn ngàn bệnh trao tám muôn bốn ngàn thuốc, lược trao bốn tất đàn nên dùng môn thế giới đắc đạo vì nói tất đàn thế giới, cho đến nên dùng môn đệ nhất nghĩa đắc đạo mà nói tất đàn đệ nhất nghĩa. Nhưng mỗi mỗi tất đàn có vô lượng môn, như thế giới tất đàn có vô lượng thế giới. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười cõi nước Phật cho đến vô lượng tịnh ược khác nhau, đều là tất đàn vị nhân cũng có vô lượng, như Kinh Niết-bàn nói hơn ba mươi sự tranh luận. Trong đối trị cũng có vô lượng đối trị gọi là có môn đối trị, môn tăng trị, môn chuyển trị, môn tổng trị, đệ nhất tất đàn cũng có vô lượng. Như kinh Tịnh Danh nói hơn ba mươi Bồ-tát nói nhập pháp môn không hai. “Chỗ thành Phật sự không hề tạm bỏ v.v...:” Do căn tánh muôn vàn sai khác giáo môn vô số tổng mà luận là vì khiến chúng sanh ngộ nhập Phật đạo nên nói chỗ thành Phật sự. Từ đầu mới đắc đạo cho đến nay cuối ở núi Linh Sơn và vị lai thường giáo hóa chúng sanh không dứt cho nên nói không hề tạm bỏ. Văn này cũng được nói ba đức Phật đều là nghĩa thường: Đầu tiên nêu nhất chứng báo thân vắng lặng vô diệt gọi là báo thân thường, trên nói không có sanh tử cho đến phi thật phi hư mười thứ nghĩa không, tức pháp thân thường. Nay nói về chúng sanh bất tận giáo hóa lợi ích không phế bỏ gọi là hóa thân thường.

“Như vậy từ ta thành Phật đến nay thường trú bất diệt v.v...:” Trên là nói quá khứ không trước, chia làm ba riêng.

1) Nêu chứng Phật đã lâu.

2) Giải thích nghi hiển thành chứng Phật đã lâu, hai môn này đã xong. Nay là thứ ba, tổng kết nghĩa thành Phật từ lâu. Đã nói thường trú bất diệt tức là hiển rõ thường không được nói là che lấp tướng và dùng vô thường giải thích kinh này.

“Các người thiện nam ta vốn hành đạo Bồ-tát v.v...:” là nói vị lai không sau, nhất chứng pháp thân vắng lặng vô diệt, cho nên biết song lâm chẳng phải cuối cùng căn cứ văn cũng có ba:

1) Nói vị lai vô chung.

2) Giải thích nghi.

3) Nói không đối: Trong phần đầu nói hành Đạo Bồ-tát: Đã nói về quả Phật thọ lượng lâu dài phải nói nhân có lâu dài, cho nên trước

nói lên quả dài nay khai nhân dài, nói nhân dài quả dài là hiển nghĩa chân thật, nói nhân ngắn quả ngắn tức mở cửa phương tiện, như trong thừa quyền thừa thật cũng nói về hai thứ này, biện ba nhân ba quả đây là phương tiện, một nhân một quả gọi là chân thật, hành Đạo Bồ-tát tức nhân dài. “Cảm thành thọ mạng:” Thành là thành tựu, tức thọ mạng thành tựu lâu dài. Cho nên kê dưới chép: thọ mạng vô lượng kiếp lâu xa do tu nghiệp mà đắc. “Nay vẫn chưa hết:” Luận Pháp Hoa gọi là chưa mãn, do cõi chúng sanh chưa tận nên bốn nguyện Phật chưa mãn, chẳng phải là Bồ-tát chưa đầy đủ. Nay văn kinh gọi là chưa tận, y luận giải thích văn này vì rõ ràng độ chúng sanh chưa tận, bất luận tuổi thọ Phật chưa tận cho nên cùng với nghĩa Luận Pháp Hoa như nhau. “Lại còn hơn số trên:” Luận Pháp Hoa chép: Tạo thành thọ mạng lại gấp bội số trên, trên nêu bốn nguyện chưa mãn nên Đức Phật không đắc nhập vô dư mãi mãi diệt Niết-bàn, cho nên đem bốn nguyện chưa mãn để giải thích nghĩa thường, bác bỏ người Tiểu thừa cho rằng Phật vô thường mãi mãi nhập vô dư thì đó là trái với bốn nguyện. Nay nêu gấp bội số trên tức là nói tuổi thọ không thể tính số để giải thích thành nghĩa thường, vì nêu đủ hai nghĩa nhân quả để giải thích thường chỉ vì văn kinh vừa nói. Lại người giảng không nói về ý luận cho nên hiệp giải thích. Nói lại gấp bội trên: Trên nói quá khứ không có trước có ba không thể tính số:

1) thế giới không thể tính số.

2) thế giới là cát bụi không thể tính số.

3) Thành Phật lại vượt hơn số này cho nên không thể tính số.

Phàm phu, Nhị thừa Bồ-tát còn không biết một số đầu hướng chi có thể biết hai số còn lại ư? Nay nói lại gấp bội thì gọi là không thể tính không thể tính là muốn nói lên tuổi thọ của Như lai nên nêu số lượng tiêu biểu, cho nên gọi là thường. Như Kinh Tịnh Danh chép: Thân Phật vô vi không rơi vào các số, như Pháp Sư La-thập truyền cho Tăng Duệ giải thích rằng: Tuổi thọ quyết định chẳng có số. Lại Phổ Hiền Quán chép: Tin đạo nhất thật biết Phật bất diệt đó gọi là sám hối năm tội ghìch mười điều ác. Lại như Luận Pháp Hoa chép: Lại gấp bội số trên: Là thị hiện mạng Như lai là thường, phương tiện nói lên nhiều số, quá số lượng trên không thể tính biết nên dùng các việc suy tìm thì biết hiển rõ Phật là thường.

Hỏi: Vì lai không có sau vì sao gọi là gấp bội ư?

Đáp: Quá khứ có hai thứ:

1) Vô thí.

2) Hữu thí.

Căn cứ phạm phu Nhị thừa và Bồ-tát không thấy ban đầu kia nên gọi là vô thí mà chẳng phải không có ban đầu chứng pháp thân cho nên nói hữu thí. Nay nói không có sau, chẳng những phạm phu Nhị thừa Bồ-tát không biết kia sau, lại hề chứng pháp thân thì rõ ràng không diệt đủ hai nghĩa này nên gọi là gấp bội.

“Nhưng nay chẳng phải thật diệt độ...”: là nói giải thích nghi. Trên đã nói bốn nguyện chưa mãn và lại gấp bội số trên rõ ràng đời vị lai không diệt thì chúng nghi chép: Nếu vậy trong phẩm Hiện Bảo Tháp vì sao xướng rằng Như lai không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn và đáp ma vương tự hẹn ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, vì giải thích nghi này nên có văn này. Trên nói về hiện đời có ba thời lợi ích nay tức thời thứ ba, lại chia làm ba:

- 1) Khai bất diệt thị hiện diệt.
- 2) Giải thích.
- 3) Tổng kết.

Đầu tiên nêu hai môn: “Nhưng nay chẳng thật diệt độ” là nói thật bất diệt. “Mà bèn tuyên bố rằng:” Nói phương tiện thị hiện diệt, vì sao? Là môn giải thích chương. Trong giải thích trước nói không thị hiện diệt thì có tổn không có ích, kể nói thị hiện diệt thì không tổn có ích. “Người đức mỏng không gieo trồng gốc lành”: quá khứ không gieo lâu nhân thấy Phật. “nghèo cùng thấp kém”: do không gieo trồng gốc lành nên nghèo cùng thấp kém. “Tham đắm năm món dục”: Trước nói không thiện nay nói có ác, nghĩa ác tuy nhiều mà không ngoài ái kiến, tham tiếc năm dục gọi là khởi ái. “Sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến”: Nói khởi kiến. “Nếu thấy Như lai thường còn chẳng mất”: Trên trình bày tâm hạnh chúng sanh, nay nói Phật không được không diệt. “Liên sanh tâm buông lung nhằm trễ”: Nếu không tuyên bố diệt độ liền có tổn hại, nghe Phật thường còn tâm không tôn trọng là mạn, buông lung năm dục là tứ; “Lại có chúng sanh thường thấy Phật nên buông lung nhằm trễ” nên gọi là nhân, không siêng tu đạo gọi là trễ nải “Không thể sanh ra ý nghĩ khó gặp gỡ cùng lòng cung kính”: Trước biện có tổn ích nay nói vô ích.

“Cho nên đức Như lai dùng phương tiện nói v.v...”: là nói tuyên diệt không tổn có ích, Văn có hai:

- 1) Nêu tuyên bố diệt.
- 2) Nói chúng sanh được lợi ích.

Trước có ba câu: trước nêu khó gặp. Vì sao? Là giải thích. Chẳng phải Phật không thường hiện mà chỉ chúng sanh chướng nặng không



thấy, nên Phật đối với chúng sanh là khó gặp. “Do việc này nên v.v...”: Nói tổng kết ý khó gặp. “Các chúng sanh đó v.v...”: nói nghe tuyên bố diệt được lợi ích. “Cho nên đức Như lai...” tổng kết ý bất diệt mà thị hiện diệt.

“Lại người thiện nam v.v...”: là nói nghĩa không đối, chia làm ba phần: pháp, thí, và hiệp. Sở dĩ nói về không đối: Là bất diệt tuyên bố diệt dường lưỡng đối gạt cho nên phải nói về nghĩa. Không đối “Pháp của Đức Phật đều như thế”: Có hai nghĩa:

1) Như Kinh Niết-bàn đáp Thuần-đà rằng: Pháp hữu vi đã vậy, pháp Chư Phật cũng vậy. Pháp hữu vi có sanh thì có diệt, Chư Phật do vật cảm nên sanh cảm tận tức ứng diệt, bởi lý thường như vậy, cho nên nói pháp như.

2) Đức Phật tự giải thích tuy thật bất diệt mà vì độ chúng sanh nên phương tiện thị hiện diệt để chúng sanh thật lợi ích, nên gọi là không phải đối gạt. Thí như vị thầy thuốc v.v...: là nói thí chếp: Đây dụ cho đại ý nói thẳng cha thật không chết vì trị bệnh cuồng của con nên phương tiện nói chết mà không phải đối gạt.

Đức Phật cũng như vậy, thật ra không diệt vì độ chúng sanh tội nặng nên phương tiện tuyên bố diệt mà không phải đối gạt, không phiền làm thí dụ ba đời lợi ích chúng sanh. Thí dụ này từ đầu đến cuối có mười ba câu

- 1) Dụ Phật như vị thầy thuốc.
- 2) Dụ chúng sanh như con.
- 3) Dụ trước Phật cách thế gian.
- 4) Dụ chúng sanh khởi hoặc.
- 5) Dụ sau Phật xuất hiện.
- 6) Dụ chúng sanh cảm thấy.
- 7) Dụ ứng vật nói giáo.
- 8) Dụ lợi căn ngộ trước.
- 9) Dụ độn căn chưa hiểu rõ.
- 10) Dụ Như lai thị hiện diệt.
- 11) Dụ độn căn đắc giải.
- 12) Dụ Như lai trở về.
- 13) Dụ Phật không ối gạt.

Mười ba câu này là thứ lớp sanh khởi.

Hiệp cũng có mười ba câu chia làm ba phần:

1) Bảy câu nói chúng sanh lợi độn căn quá khứ đồng gieo trồng gốc lành, cho đến hiện tại đồng thọ theo lời Phật dạy.

2) Một câu nói chúng sanh lợi căn bắt đầu từ Hoa Nghiêm mới nhóm họp cho đến núi Linh Sơn hội Pháp Hoa nghe Phật nói pháp liên lãnh ngộ thì Phật không cần tuyên bố diệt.

3) Năm câu sau nói chúng sanh độn căn trải qua nghe các giáo còn chưa ngộ giải Phật cần phải tuyên bố diệt mới đắc ngộ.

Sở dĩ chỉ chia hai thứ chúng sanh này: bởi thầy thuốc có hai hạng con:

- 1) Con không thất tâm.
- 2) Con mất tâm.

Con không mất tâm đưa thuốc thì uống không cần cha phải thị hiện diệt, con thất tâm tuy đưa thuốc mà không chịu uống cho nên cha thị hiện diệt, cho nên chương trước nói chung lý do hai con, sau nói riêng thọ theo giáo có khó dễ.

Thầy thuốc: lược nói ba loại:

- 1) Ngoại đạo năm thông.
- 2) Thanh văn Duyên giác.
- 3) Chư Phật Bồ-tát.

Ngoại đạo chỉ năng trừ ba không cho chúng sanh rồi trở lại các phiền não bệnh gọi là hạ y. Nhị thừa năng trị bệnh ba cõi gọi là trung y. Chư Phật Bồ-tát năng trị khắp các bệnh trong ngoài ba cõi gọi là thượng y. Lại nữa, bệnh mà ngoại đạo chữa chắc chắn sẽ phát sanh lại cho nên gọi là hạ, Nhị thừa trị bệnh hoặc phát hoặc không phát nên gọi là trung, Chư Phật trị bệnh dứt bật không phát sanh nên gọi là thượng.

Lại phạm phu Nhị thừa trị bệnh chúng sinh gồm có bốn câu:

- 1) Bớt không thêm.
- 2) Thêm không bớt.
- 3) Cũng thêm cũng bớt.
- 4) Không thêm không bớt.

Cho nên không gọi là thầy thuốc. Chư Phật trị bệnh chỉ có một câu là chỉ bớt không thêm nên gọi thầy thuốc. Kinh A-hàm chép: Thầy thuốc có bốn đức:

- 1) Khéo biết bệnh lạnh nóng v.v...
- 2) Biết bệnh phát khởi.
- 3) Bệnh sanh rồi khéo biết phương pháp trị.
- 4) Bệnh lành rồi khiến không tái phát. Đức Phật cũng có đủ bốn

đức này nên gọi thầy thuốc.

Luận Pháp Hoa chép: Vì không tu tập công đức nên nói thí dụ thầy thuốc, người này không hề tu bậc nhất thừa gốc lành, nghe nói bậc

nhất thừa trong tâm không nguyện xếp vào bậc nhất, vì đối trị đây nên nói thí dụ thầy thuốc. Luận lại chép: Người này căn chưa thuần thực nên thị hiện Niết-bàn, vì vậy nên Như lai nói thí dụ đây. Lại chép: Muốn thị hiện Niết-bàn vô thượng cho nên nói thí dụ thầy thuốc.

“Trí tuệ sáng suốt”: đây là khen ngợi đức giải thích nghĩa thầy thuốc, ở tại tâm là trí tuệ, ở tai là thông minh, tại mắt là sáng suốt. Trí tuệ dụ cho nhất thiết chủng trí, thông minh dụ sáu thông, sáng suốt dụ cho năm nhãn. “Khéo luyện phương thuốc trị các bệnh”: Là biết lý do đúng bệnh mà cho thuốc. “Người có nhiều con cái:” ví chúng sanh như con, xưa đã từng thọ hóa nên gọi là con, thọ hóa rồi lại chuyển hóa, thọ sự truyền hóa kia nên gọi là con cái, nhưng chúng sanh trong sáu đường đều có Phật tánh đều là con, chỉ Phật tánh có hai:

- 1) Chánh nhân.
- 2) Liễu nhân.

Có đủ duyên chánh gọi là con gần nhưng người chưa thọ theo giáo hóa chưa có liễu nhân gọi là con xa.

“Hoặc mười - hai mươi cho đến số trăm”: Hàng thượng căn khó đắc là mười, trung căn hơi dễ gọi là hai mươi, hạ căn chuyển nhiều gọi là số trăm, đây không căn cứ Ba thừa làm ba căn, mà chung xét theo thọ lãnh giáo từ đầu đến cuối có ngộ và không ngộ, chính là căn cứ Bồ-tát ngộ nhập tuệ Phật để chia thành ba căn. Nếu căn cứ phẩm này ý từ đây đến cuối thì ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi quá khứ đã ngộ đạo gọi là thượng căn, ở đời hiện tại bắt đầu từ Hoa Nghiêm sau cùng là Pháp Hóa người đắc ngộ đạo gọi là trung căn, nếu do tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mà đắc ngộ gọi là hạ căn. Nếu căn cứ hiện tại biện nơi ba căn, thì trước Pháp Hoa Bồ-tát trực vãng đã đắc ngộ gọi là thượng căn, đến hội Pháp Hoa bỏ tiểu về đại gọi là trung căn, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: “vừa thấy thân ta nghe nói pháp liền tín nhận nhập tuệ Phật” gọi là thượng căn. “Trừ trước đã tu tập theo Tiểu thừa” nay nghe kinh này cũng nhập tuệ Phật gọi là trung căn. Từ đây trở đi còn chưa đắc đạo nghe tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mới đắc ngộ gọi là hạ căn. ba căn có nhiều môn nay lược chỉ ba hạng này.

“Do có sự duyên đến nước xa khác...” là: Dụ trước Phật cách đời. Chỉ thọ hóa ít không trú lâu nên gọi là đến nước khác. Như Kinh Niết-bàn chép: Nơi đáng độ đều đã độ rồi, các nơi chưa độ nên tạo nhân duyên được độ. Có sự duyên: Cõi này cảm hết các duyên khởi ở cõi khác, Phật hóa các duyên đối với cõi kia duyên gọi là gần, cõi này cảm dứt nên gọi là xa, lại dứt đây ứng kia nên gọi là xa. “Sau lúc đó các

người con...”: Là thí dụ chúng sanh khởi hoặc: Lúc sau là: Cách đời sau Phật. “Uống thuốc độc khác”. Xưa tập quán đã yếu lại khởi điên đảo, chánh quán gọi là tự, điên đảo là tha. Cho nên Kinh Niết-bàn chép: Cảnh giới mình là bốn niệm xứ, cảnh giới người là năm dục. Tâm khởi điên đảo gọi là uống, làm hại tuệ mạng gọi là thuốc độc. “Thuốc phát sanh mê loạn lẫn lộn trên đất”: Nhân khởi hoặc thuần thực, gọi là thuốc phát.

Hoặc có hai lực:

1) Mê cảnh chướng trí cho nên tâm mê loạn, lại sắp chết gọi là mê loạn.

2) Cảm sanh tử trôi lăn trong sáu đường như lăn lộn trên đất, thuận giáo đắc Niết-bàn như lên núi cao, trái hóa thọ khổ sanh tử nên gọi là đất. Lại tâm chịu khổ gọi là mê loạn, thân chịu khổ gọi là lăn lộn trên đất.

“Bấy giờ người cha từ nước xa trở về nhà...”: là nói thí dụ sau khi Phật xuất khởi. Trước nói chúng sanh độn căn trái hóa khởi hoặc nói chung về nghĩa cả, nay nói sau khi Phật xuất khởi nói chung về nghĩa ứng.

Hỏi: Chúng sanh khởi hoặc trôi lăn trong năm đường như lăn lộn trên đất nhân đâu mà cảm Phật?

Đáp: Khổ cùng cực thì phải quay đầu. Như Kinh Thắng-man chép: Các thứ pháp khổ lạc là cầu Niết-bàn. Lại trong đây nên dùng ba phen hóa, quá khứ lợi ích chúng sinh gọi là một phen xưa hóa. Lăn lộn trên đất trong đây có tùy duyên hóa, nay lại trở về nhà tức tất cánh hóa, xưa duyên hết nên đi, nay cảm thuần thực nên đến, ứng nhập sanh tử hóa vật thì sanh tử là nhà. Như trên chép: Thí như Trưởng giả có một nhà lớn.

“Các con uống thuốc độc hoặc mất bốn tâm, hoặc không mất”: Là dụ cho chúng sanh cảm thấy: tập quán Quá khứ nếu lâu tuy khởi điên đảo mà không mất bốn giải gọi là không mất tâm, lập quán chưa lâu điên đảo mạnh thịnh mất bốn giải gọi là mất tâm. Lại từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa nghe giáo đắc ngộ gọi là không mất tâm, nghe giáo không ngộ, đợi tuyên bố diệt mới hiểu gọi là mất tâm, đây cũng là khởi hoặc nặng nhẹ, thiện có mạnh yếu nên chia làm hai. “Xa thấy cha về”: chính là cảm đức Thích-ca ra đời, chỉ thấy thân tượng sáu thành đạo chưa thấy pháp thân; cách lý còn xa nên gọi là xa. “Đều rất vui mừng quì lạy thăm hỏi trở về an ổn”: Lợi là căn độn căn tuy khác mà thấy Phật ra đời, đều đồng vui mừng là ý nghiệp, cung kính quì lạy tức

thân nghiệp, miệng nghiệp khen ngợi gọi là hỏi thăm. Khen ngợi Phật nghĩa là Như lai: luận Trí Độ chép: Phật từ đạo an ổn đến nên gọi là Như lai, nay gọi an ổn trở về, trở về tức là đến. “Chúng con ngu si lầm uống thuốc độc”: ở trên nói chúng sanh lợi căn độn căn đồng có căn cơ cảm thấy hình tướng Phật nay nói chúng sanh độn căn lợi căn đồng có căn cơ cảm giáo, căn cứ giải muốn phát, đồng trình bày lỗi xưa cho nên nói ngu si, khởi điên đảo phiền não chẳng phải là bốn ý nên gọi là lầm uống. “Xin cứu lành con lại ban tuổi thọ cho chúng con”: Xin Phật nói giáo diệt hoặc gọi là xin cứu con, giáo năng sanh giải gọi là tuổi thọ, xưa từng lãnh giáo đã được sanh giải, chỉ giữa đường trái hóa khởi hoặc mất bốn giải, nay lại xin nói giáo khiến được bốn giải cho nên nói xin ban cho.

Hỏi: Từ xa thấy cha về lại xin ban tuổi thọ, đó là trong cơ duyên nói hay căn cứ sự ư?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: Trong căn cơ là nói việc này, nói dễ hiểu là căn cứ ở sự, khi Phật mới ra đời trời người đều được vui mừng cho đến Thích Phạm xin xoay bánh xe pháp, như nói xin cứu lành lại ban cho tuổi thọ.

“Cha thấy các con khổ não như vậy”: Là thí dụ ứng duyên nói giáo: Trước thí dụ vì duyên thành đạo, đây dụ cho thành đạo về sau xoay bánh xe pháp. Văn có hai câu: Cha thấy con đồng dụ cho Phật thấy căn cơ. “Y theo các kinh phương”: là nói về nói giáo. Y Phật giáo quá khứ gọi là y các kinh phương. “Tìm thuốc cỏ tốt”: Là giáo tiêu biểu lý, lý năng lành bệnh dụ đồng cỏ thuốc. “Mùi sắc vị ngon”: giới dụ cho sắc, định dụ cho hương, tuệ dụ cho vị ngon, ba hạnh tròn đầy gọi là đầy đủ. “Đâm nghiền hòa hiệp”: Ban đầu nói Tiểu thừa là đâm, nói trung thừa là nghiền, nói Đại thừa là hiệp. Lại pháp nói là đâm, thí nói là nghiền, hợp thí là hòa hiệp, Như lai nói pháp không ngoài ba thứ này. Lại nói chung là đâm biệt giải thích là nghiền, tổng kết là hiệp, nghi thức nói pháp không ra ngoài nêu giải thích và kết này. Lại cũng thí dụ ba phen xoay bánh xe pháp là đâm nghiền hòa hiệp. “Mà nói rằng”: Là khen ngợi giáo. “Các con nên uống”: Khuyến đúng như lời dạy mà hành.

“Trong các con những người chẳng mất bốn tâm”: là nói thí dụ người lợi căn trước ngộ: Từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa lãnh giáo được ngộ tức người kia. Ngoài ra những người mất bốn tâm là thí dụ người độn căn chưa liễu ngộ, tức là thí dụ Phật không đối gạt; vì người độn căn nên Phật bất diệt mà tuyên bố diệt độ, cũng tức hiện tại trong ba thời dụ cho thời sau lợi ích chúng sinh. “Thấy cha về tuy cũng vui mừng hỏi

thăm”. Nêu người hạ căn chúng sanh thấy Phật ra đời cũng khởi tâm vui kính. “Cầu xin trị bệnh”: Cũng có căn cơ cảm giáo nghe nói pháp mầu nhiệm. “Song trao thuốc cho mà không chịu uống”: người độn căn tuy lại tìm giáo mà không thể ngộ lý như con mắt bồng tâm không chịu uống thuốc”. Khí độc thấm vào làm mất bồng tâm”: là giải thích không uống thuốc là vì tà hạnh thấm vào làm mất chánh giải ở bồng. “Đối với thuốc thơm tốt mà cho là không ngon”: Đối với chánh giáo Phật không nhận được vị của lý. “Người cha nghĩ rằng”: Thí dụ Như lai thị hiện diệt: Văn có ba:

- 1) Định muốn tuyên bố diệt.
- 2) Chánh thức tuyên bố diệt.
- 3) Là nói chính diệt.

Muốn tuyên bố diệt: Chúng sanh chấp thường không muốn tu đạo, nghĩ muốn cách đời muốn thị hiện vô thường khiến chúng sửa đổi mà ngộ. “Nghĩ thế rồi bảo rằng”: Nêu chánh diệt như đức Thích-ca tự hện ba tháng, lại như kinh Niết-bàn sớm chiều tuyên bố diệt. Lại như kinh chép: Tuổi ta đã tám mươi, hình thể như chiếc xe hư cũ phải nhập Niết-bàn thôi! “Lương được tốt này nay để ở đây”: Đức Phật tuy cách đời mà lưu lại pháp bất diệt, cho nên mười hai bộ kinh giao phó cho A-nan và Ca-diếp. “Dạy bảo như thế rồi đến nước khác”: là nói chánh diệt. “Sai sứ về nói”: Chánh nhập Niết-bàn để lại hình Xá-lợi xây tháp thờ, tức là sai sứ.

“Bấy giờ các con...”: là nói thí dụ độn căn được hiểu: Thấy Phật Niết-bàn tâm ngộ vô thường liền đắc đạo như uống thuốc lành bệnh: “Người cha nghe các con...”: là dụ Như lai trở về nhà: Chúng sanh nghe Phật nhập Niết-bàn liền ngộ hiểu tức thấy pháp thân, biết Phật bất diệt trở lại bồng giáo hóa nên gọi là trở về. “Các người thiện nam v.v...”: là thí dụ Phật không đối gạt Phật chép: Ta cũng như vậy: là hợp thí, chỉ có ba ý: ý đầu nêu bất diệt. “Vì chúng sanh”: phương tiện thị hiện diệt, “cũng không ai có thể” là nói chẳng đối gạt.

Kệ tụng có hai mươi lăm hàng rưỡi: tụng văn xuôi hai chương. Đầu có hai hàng kệ: Tụng quá khứ vô thí, kế có hai mươi ba hàng rưỡi tụng vị lai vô chung. Sở dĩ tụng hai chương này là để hiểu rõ Như lai Thọ Lượng vô thí vô chung, bác bỏ Nhị thừa phàm phu cho là nghĩa có thí chung. Văn xuôi hai môn mỗi môn đều chia thành ba: Môn đầu có ba:

- 1) Nói quá khứ vô thí.
- 2) Giải thích nghi.

## 3) Tổng kết.

Nhưng văn trên đã rộng nay chuyển thế nói pháp lược làm hai ý tụng: hàng kệ đầu tụng chứng pháp thân lâu, kế kệ tụng thù ứng nói pháp lâu, tức nhiếp chung hết tất cả nghĩa của văn xuôi. “Vì độ chúng sanh v.v...”: Tức tụng chương hai: vị lai vô chung: Trong văn xuôi cũng có ba: Chính là nói vị lai vô chung, kế nêu bất diệt thị hiện diệt để giải thích nghi, kế nêu chẳng đối, nay kệ cũng chỉ chia hai:

- 1) Tụng bất diệt thị hiện diệt để giải thích nghi.
- 2) Tụng nghĩa chẳng đối.

Sở dĩ tụng hai thứ này chính vì người chấp giáo cho rằng Phật vô thường, Song lâm diệt tận, nay muốn nói lên Phật thường trú cho nên nói về Phật bất diệt mà phương tiện thị hiện diệt, nhưng bất diệt thị hiện diệt tợ đồng đối gạt, cho nên kế tụng nghĩa không đối. Hai thứ này nói nghĩa vị lai vô chung được rõ ràng nên kệ chỉ tụng hai thứ này. Văn xuôi phần bất diệt thị hiện diệt đã lược, nay chuyển thế rộng tụng, chia làm ba phần:

- 1) Chín hàng kệ căn cứ Phật hai thân bốn tích nói về nghĩa diệt bất diệt.
- 2) bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế nói nghĩa diệt bất diệt.
- 3) Bốn hàng tổng kết thân, cõi nói về cảm thấy khác nhau. Ba thứ này tổng kết hết tất cả các nghĩa, văn xuôi nói không hết nghĩa, kệ rộng trình bày.

Phần đầu chia làm ba:

- 1) Hai hàng nói diệt bất diệt.
- 2) Sáu hàng rưỡi giải thích ý diệt bất diệt.
- 3) Nửa hàng tổng kết nói về diệt bất diệt.

Hai hàng đầu lại chia hai:

- 1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về diệt bất diệt.
- 2) Căn cứ môn thần thông nói về diệt bất diệt.

Nói pháp hiện thần thông nhiếp nghĩa đã cùng khắp cho nên chỉ nêu hai thứ này. “Chúng thấy ta diệt độ v.v...”: sáu hàng rưỡi nêu được lợi ích giải thích ý diệt bất diệt. Văn chia làm hai:

- 1) Một hàng nêu thấy Phật diệt độ sanh phước được lợi.
- 2) Năm hàng rưỡi nêu thấy Phật diệt độ sanh trí tuệ được lợi ích; trong năng hóa tuy có nói pháp thần thông, mà sở hóa được lợi ích không ngoài công đức và trí tuệ cho nên chỉ nêu hai nghĩa này. Nhân trên môn thần thông sanh công đức lợi ích, nhân trên môn thuyết pháp sanh trí tuệ lợi ích. Trên trước nói về nói pháp sau nói thần thông, nay

phải trước nêu trí tuệ sau biện công đức, nhưng vì thế vẫn nối kế gần trước nói công đức sau nói trí tuệ. Căn cứ trí tuệ được lợi ích trong đó có hai: Hàng đầu nói chúng sanh cảm. Bốn hàng rưỡi sau biện Phật ứng; trong ứng có Ba bảo hiển nghĩa bất diệt: nửa hàng đầu nói hai ngôi báu Phật, Tăng đều xuất nên nói hai ngôi báu bất diệt.

“Ta nói với chúng sanh v.v...”: là nói pháp tức pháp bảo là nói về diệt bất diệt. Trong phần tụng nói pháp một bài đầu xét riêng cõi này luận nghĩa diệt bất diệt. Kế một bài rưỡi hiệp cõi kia đây luận diệt bất diệt, kế một bài rưỡi riêng xét phương khác luận diệt bất diệt, nói về diệt bất diệt tuy lại vô cùng mà ba thứ này nhiếp hết. “Sức thần thông như thế...”: là nửa bài tổng kết, nói về diệt bất diệt đây đều là thần thông thị hiện mà pháp thân Như lai phi diệt phi bất diệt. “Thường ở núi Linh Thứu v.v...”: bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế luận bất diệt. Sở dĩ có chương này vì có hai nghĩa:

1) Giải thích nghi cho nên có. Thời chúng nghi rằng: Hiện thấy thời kiếp hỏa khởi, trời đất ắt cạn kiệt, thân Như lai đâu được thường còn! Nên nay nói cõi có tịnh uế, uế độ bị đốt cháy, tịnh độ không bị diệt, tích thân hiện diệt mà pháp thân thường tồn.

2) Trên luận Như lai hai thân chân ứng hiện quả chánh báo đã rồi, nay kế luận hai cõi tịnh uế biện y báo cõi quả Phật chánh báo thì nghĩa là ứng thân thị hiện diệt mà pháp thân bất diệt, nghĩa y báo thì uế độ tự hủy, tịnh độ không đốt cháy cho nên thân chỉ bốn tích, cõi chỉ tịnh uế, muốn nói nghĩa này nên có văn này. Phẩm này đã có tịnh độ, nay nói, luận Pháp Hoa giải thích phẩm này có ba thân; nay đối ba thân cũng có ba cõi (độ):

1) Pháp thân dừng nghỉ nơi cõi thật tướng. Phổ Hiền Quán chép: Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, Đức Phật kia trú cõi Thường tịch Quang tức pháp thân độ. Kinh Nhân Vương chép: Ba Hiền, mười Thánh trú quả báo chỉ có Đức Phật ở tịnh độ. Kinh An Lạc chép: Cũng lấy Trung đạo đệ nhất nghĩa gọi là cõi pháp thân, nhưng các pháp tướng vắng lặng không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày, sao luận thân và không thân, cũng đâu có cõi cũng không phải cõi, chỉ là trong vô danh tướng vì chúng sanh mượn danh tướng nói cho nên nói thân cùng cõi. Tuy khai hai thật thân, cõi mà không hề có hai chỉ căn cứ nghĩa khác nhau nên chia làm hai: Nghĩa năng trụ gọi là chia sở trụ gọi là cõi. Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển phẩm Tam thân nói đầy đủ có trí như như và cảnh như như, căn cứ nghĩa mà so với cảnh tức là cõi.



2) Báo thân báo độ: nhưng báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai thứ: a) Trong. b) Ngoài.

Trong cùng pháp thân tương ứng gọi là ứng thân, đây cũng thuộc pháp thân cùng pháp thân đồng cội, Luận Pháp Hoa chép: Tịnh độ ta không hủy mà chúng thấy thiêu hủy tận, tức báo thân Như lai, tịnh độ chân thật thuộc về bậc nhất nghĩa, nên đây tức là cội báo thân. Nếu ứng ngoài gọi báo thân hóa đại Bồ-tát nơi tịnh độ thành Phật, đây dùng ngọc báu làm tịnh độ, cội này mới không bị kiếp lửa đốt cháy mà cuối cùng có tận diệt, vì sao? Vì nay khai thân có thường vô thường ba câu:

- 1) Pháp thân chỉ thường, phi vô thường.
- 2) Hóa thân chỉ vô thường phi thường.
- 3) Ứng thân vừa thường vừa vô thường.

Ứng thân bên trong gọi là thường, ứng ngoài gọi là vô thường, thân đã ba thứ cội cũng theo lệ như. Cội pháp thân chỉ thường, phi vô thường, hóa thân chỉ vô thường phi thường, cội ứng thân cũng thường cũng vô thường. Trong cội ứng thân đây tức là thường, ngoài cội ứng thân tức đây vô thường. Nếu phân hai cội tịnh uest thì pháp thân báo thân hai cội đây là tịnh độ, nhưng cội hóa thân đây tức bất định hoặc tịnh hoặc uest.

Hỏi: Bồ-tát cũng có ba thân ba cội phải không?

Đáp: Tùy phần có. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, nương vào Như như, không nương vào cội Phật, Như như tức cội pháp thân, hai thân còn lại có thể biết.

Hỏi: Các chúng thấy lửa đốt sạch mà tịnh độ không hủy đây là một chất thấy khác, hay là khác chất đồng một chỗ ư?

Đáp: Theo ý ngài La-thập và Luận Pháp Hoa là khác chất đồng chỗ. Nói khác chất: hai chất Tịnh uest độ. Đồng chỗ: Tịnh chất ở chỗ uest, uest chất ở chỗ tịnh, thô diệu đã khác nhau không làm chướng ngại nhau nên văn này nói thường ở núi Linh Thứu tức biết tịnh độ ở tại chỗ uest: Kế nêu một chất thấy khác: Nói một chất đây có nhiều môn, nếu luận theo chánh đạo thì không hề có tịnh uest, tùy hai duyên tịnh uest thấy hai cội tịnh uest. Do đối tịnh uest hai sự thấy nên nói phi tịnh phi uest gọi là một chất nên nói một chất mà có hai sự thấy. Nếu luận theo hai duyên chính nó, một chất thấy khác, thì tự có là một tịnh chất, người phước mỏng tự thấy kia uest, tự có là một uest chất đối người phước đức tự thấy kia tịnh. Tổng luận chất và sự thấy đều có bốn trường hợp: Chất có bốn trường hợp: Tự có một chất khác chỗ, khác chất một chỗ, một chất một chỗ, các chất khác chỗ. một chất khác chỗ: là một chất phi tịnh uest ở chỗ tịnh

uế khác. Khác chất một chỗ: Tịnh uế chất khác nhau ở chung một chỗ phi tịnh uế. Sở dĩ có hai câu này là do các pháp bốn tánh vắng lặng nên gọi một chất, bốn tánh kia vắng lặng mà không lia tịnh uế nên ở hai chỗ tịnh uế. Tuy có hai chất tịnh uế thường bốn tánh vắng lặng nên gọi hai chất một chỗ. một chất hai chỗ: Tức là chân tế bất động kiến lập các pháp; hai chất một chỗ nghĩa là không hoại, giả danh mà nói thật tướng. một chất một chỗ: Thắng căn cứ thật tướng mà luận thật tướng. Khác chất khác chỗ: Độ có tịnh uế tại kia đây không đồng.

Sự thấy có bốn trường hợp: một chất một thấy một chất Trung đạo là hàng Bồ-tát nhân Trung đạo đắc chánh quán nên thấy cõi Trung đạo. Khác chất thấy khác. Tịnh uế khác chất tùy hai duyên tịnh uế thấy. một chất thấy khác: một chất phi tịnh uế, ở tịnh uế duyên thấy có tịnh uế. Khác chất một thấy: Hai chất tịnh uế hàng trí giả thấu đạt rõ kia không hai. Kế căn cứ dụng luận bốn trường hợp:

1) Một chất khác chỗ như một tịnh chất thông nơi hai chỗ tịnh uế. Như Thích luận chép: Chất của hương, thành Đàm vô kiết tức là nơi thành, hương, mà thành hương, ấy ở cõi uế Diêm-phù-đề.

2) Hai chất tịnh uế đồng một chỗ do thô diệu không ngăn ngại nhau.

3) Hai chất hai chỗ: Hai chất tịnh uế ở nơi hai chỗ kia đây.

4) Một chất một chỗ: Như tịnh chất ở nơi chỗ tịnh, uế chất cũng.

Căn cứ thấy luận bốn trường hợp:

1) Tự có một chất một thấy. Đối một chất lại khởi thấy tịnh, uế độ cũng vậy.

2) Hai chất hai thấy, đối hai chất tịnh uế đều khởi tịnh uế hai thấy.

3) một chất hai thấy, chỉ là tịnh chất mà đối hai duyên chỗ thấy khác nhau.

4) hai chất một thấy, tuy có hai chất tịnh uế mà đối với người có phước đức thì chỉ thấy tịnh, người không có phước đức chỉ thấy toàn uế.

“Thường ở núi Linh Thứu...”: Có bốn hàng rười vãn chia làm bốn trường hợp:

1) Đầu nửa bài nêu thường tại núi Linh Thứu, nêu Phật cùng cõi cả hai bất diệt.

2) Nửa hàng bỗng chúng nghi rằng: “Hiện thấy kiếp lửa thiêu đốt, người và cõi đều không, vì sao được gọi là thường” ư!

3) Hai hàng rười chính nói về cõi tịnh không bị hoại.

---

4) Một bài tổng kết tịnh độ không bị hủy, chúng sanh thấy lửa.

“Chúng sanh tội đó v.v...”: bốn hàng nêu cảm thấy khác nhau cùng kết người và cõi:

1) Hai hàng đầu nêu hai người có tội và phước cảm thấy tịnh uế khác nhau kết thành nghĩa cõi.

2) Hai bài: vì hai duyên nói tuổi thọ Phật dài ngắn thành nghĩa Phật diệt bất diệt. Hai bài kệ này có ba ý: một đầu chính nêu tùy duyên nói dài ngắn, kế nửa hàng khen ngợi trí Phật. Sau nửa hàng nêu nhân xa để giải thích quả dài.

“Các ông người có trí v.v....”: Kế tụng văn xuôi nói không đối, văn xuôi có ba: Pháp, thí, hiệp, nay tụng đủ. Kệ đầu tụng pháp nói kế kệ tụng thí nói, bốn hàng kệ sau tụng hợp thí. bốn hàng kệ chia làm bốn:

1) Kệ chánh hợp thí nói về bất diệt thị hiện diệt.

2) Kệ giải thích ý bất diệt thị hiện diệt.

3) Kệ trình bày chung Phật tùy duyên nói tất cả giáo.

4) Kệ nói giáo tiêu biểu lý, tông chỉ trở về thành Phật.

-----